

BALANCE SHEET
As at 31 December 2024

Currency: VND

ASSETS	Code	Note	31-12-2024	01-01-2024
A. CURRENT ASSETS	100		143,970,224,919	167,894,094,495
I. Cash and cash equivalents	110	V.3	6,421,646,938	8,632,081,655
Cash	111		4,221,646,938	8,632,081,655
Cash equivalents	112		2,200,000,000	-
II. Short-term investments	120		17,249,622,443	16,471,066,642
Held-to-maturity investments	123		17,249,622,443	16,471,066,642
III. Current accounts receivable	130		31,404,640,077	30,209,812,482
Short-term trade receivables	131	V.5	25,537,377,971	54,280,492,252
Short-term advances to suppliers	132	V.6	10,144,436,489	10,611,582,510
Short-term loan receivables	135		665,000,000	3,155,000,000
Other short-term receivables	136	V.7	46,595,166,270	77,322,290,250
Provision for doubtful short-term receivables	137		(51,537,340,653)	(115,159,552,530)
IV. Inventories	140	V.8	82,354,224,218	103,988,163,656
Inventories	141		83,076,034,030	141,868,202,952
Provision for obsolete inventories	149		(721,809,812)	(37,880,039,296)
V. Other current assets	150		6,540,091,243	8,592,970,060
Short-term prepaid expenses	151	V.12a	809,123,005	1,200,756,537
Value added tax deductibles	152	V.14	2,789,413,637	4,450,668,042
Tax and other receivables from the State	153	V.14	2,941,554,601	2,941,545,481
B. NON-CURRENT ASSETS	200		156,540,998,252	252,720,719,146
I. Long-term receivables	210		1,264,090,892	1,331,363,624
Other long-term receivables	216		1,264,090,892	7,931,363,624
Provision for doubtful long-term receivables	219		-	(6,600,000,000)
II. Fixed assets	220		95,498,846,533	157,008,485,202
Tangible fixed assets	221	V.9	30,290,903,237	30,332,874,390
- Cost	222		44,671,991,674	36,973,500,617
- Accumulated depreciation	223		(14,381,088,437)	(6,640,626,227)
Finance leases	224		4,650,237,597	6,717,009,873
- Cost	225		10,333,861,356	10,333,861,356
- Accumulated depreciation	226		(5,683,623,759)	(3,616,851,483)
Intangible fixed assets	227	V.10	60,557,705,699	119,958,600,939
- Cost	228		61,052,843,193	121,497,833,193
- Accumulated depreciation	229		(495,137,494)	(1,539,232,254)
III. Investment properties	230	V.11	-	30,000,000,000
- Cost	231		-	30,000,000,000
IV. Long term assets in progress	240		-	356,400,000
Construction in progress	242		-	356,400,000
V. Long-term investments	250	V.4	28,637,269,175	28,941,889,671
Investments in associates, jointly controlled entities	252		28,637,269,175	25,767,790,957
Investment in other entities	253		9,795,414,653	9,795,414,653
Provision for long-term investments	254		(9,795,414,653)	(6,621,315,939)
VI. Other long-term assets	260		31,140,791,652	35,082,580,649
Long-term prepaid expenses	261	V.12b	11,651,262,782	12,093,229,037
Goodwill	269		19,489,528,870	22,989,351,612
TOTAL ASSETS	270		300,511,223,171	420,614,813,641

MỤC LỤC

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Tổ chức và nhân sự
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

PHẦN 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán (sẽ cập nhật sau khi có Báo cáo tài chính kiểm toán)
- Báo cáo tài chính



1

THÔNG TIN CHUNG

- ❖ Thông tin khái quát
- ❖ Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh
- ❖ Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- ❖ Định hướng phát triển
- ❖ Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Số điện thoại : (028) 7777 9999

Giấy chứng nhận đăng ký : 0105787835 đăng ký lần đầu ngày 10/02/2012, thay đổi lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/09/2023

Website : <https://thegoldengroup.vn/>

Vốn điều lệ : 272.999.900.000 đồng

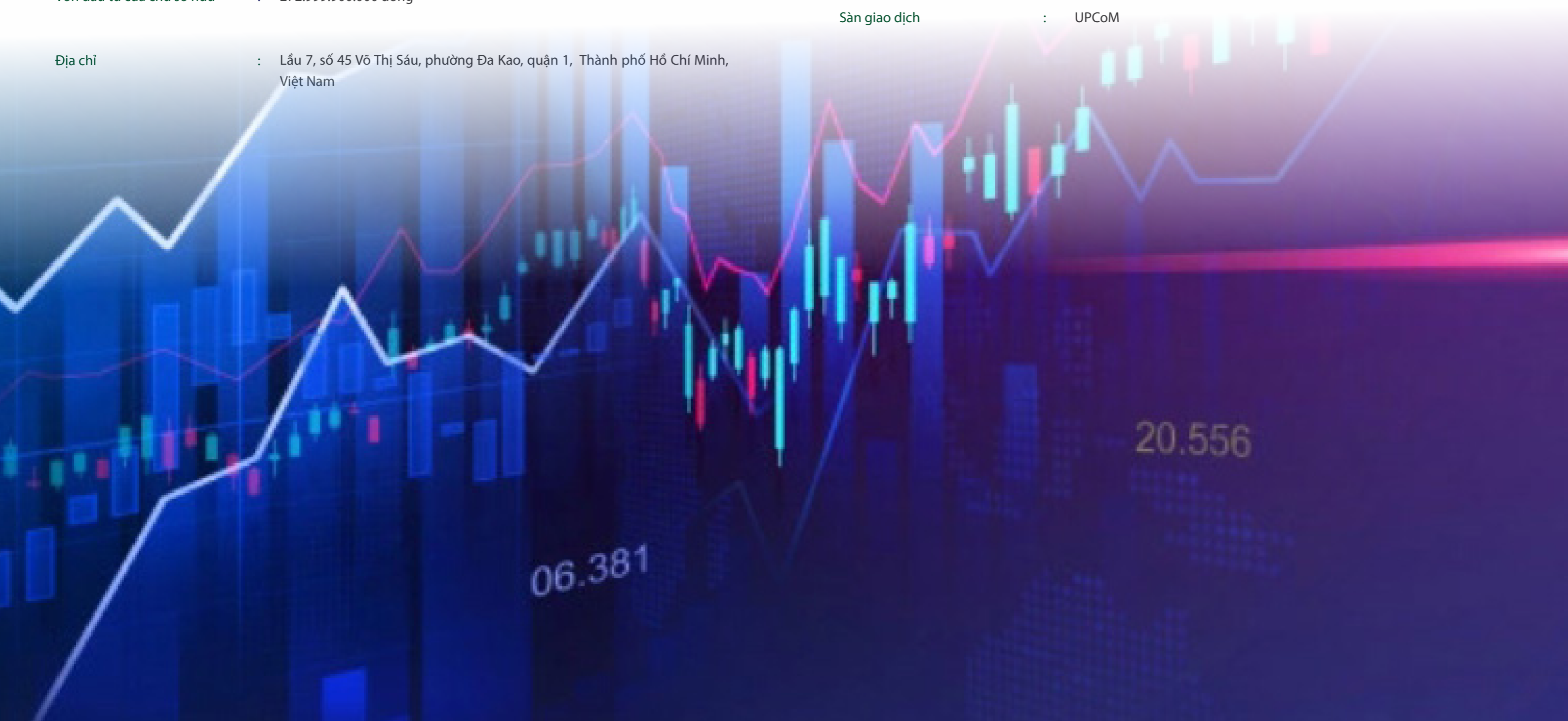
Email : info@thegoldengroup.vn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 272.999.900.000 đồng

Mã cổ phiếu : TGG

Địa chỉ : Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Sàn giao dịch : UPCoM





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 10/12/2012, Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang được thành lập với mức vốn điều lệ là 100 tỷ đồng.

Ngày 09/05/2016, Công ty nâng vốn điều lệ lên 260 tỷ đồng thông qua hình thức chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Công ty niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Công ty tăng mức vốn điều lệ lên 272.999.900.000 đồng thông qua hình thức phát hành để chi trả cổ tức.

Ngày 23/07/2021, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Louis Capital.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh



Các lĩnh vực hoạt động chính

- » Tư vấn quản lý
- » Sắt nhập và mua bán doanh nghiệp
- » Dược phẩm

Địa bàn kinh doanh

Công ty Cổ phần The Golden Group hoạt động chủ yếu ở khu vực phía Nam Việt Nam.





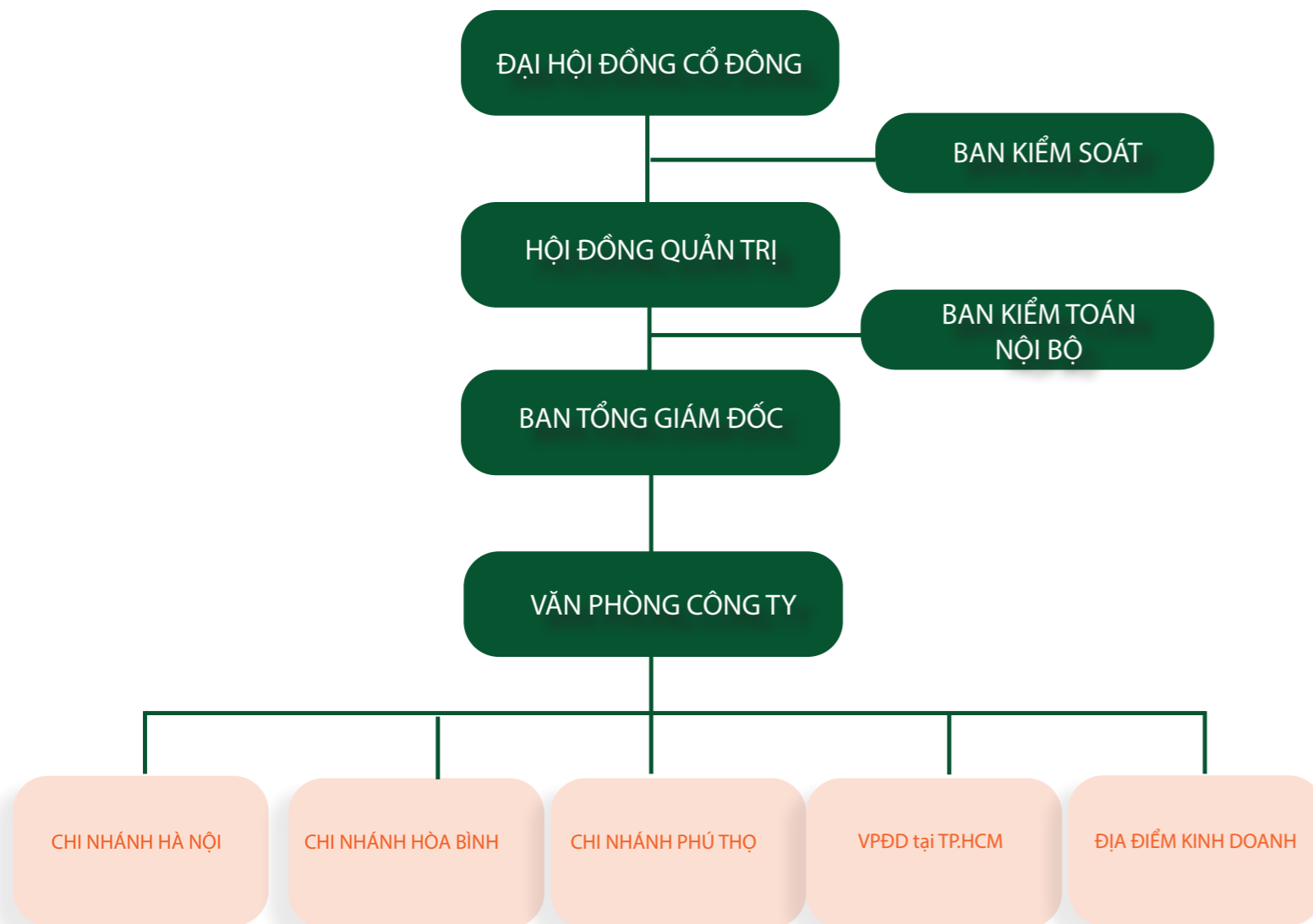
THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Công ty Cổ phần The Golden Group hoạt động theo mô hình quản trị được quy định theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ với các cấp như sau:

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)
- Hội đồng quản trị (HĐQT)
- Ban Kiểm soát (BKS)
- Ban Tổng Giám đốc

Cơ cấu bộ máy quản lý



Các Công ty con, Công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	VĐL thực góp của TGG (Triệu đồng)
Công ty con					
1	Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global	Số 7-9, đường số 7, Khu đô thị Sala, phường An Lợi Đông, thành phố Thủ Đức, TP.HCM	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	100%	2.000
2	Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	14 Nguyễn Văn Vĩnh, phường 4, quận Tân Bình, TP.HCM	Hoạt động dịch vụ tài chính	79,8%	88.700
3	Công ty TNHH Agimex Furious	Số 26 Trần Hưng Đạo, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Mua bán xe máy	51%	51.000
4	Công ty Cổ phần Golden Paddy (đã thoái vốn 9/8/2024)	Ấp Phú Hòa 2, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, An Giang	Xây xát và sản xuất bột thô	46,2%	30.000
5	Công ty TNHH Một thành viên Thu mua phụ phẩm PBP (đã thoái vốn 9/8/2024)	14 Nguyễn Văn Vĩnh, phường 4, quận Tân Bình, TP.HCM	Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu	100%	1.850
6	Công ty Cổ phần HB Pharma (đã thoái vốn 01/12/2024)	402-404 đường Tùng Thiện Vương, phường 13, quận 8, TP.HCM	Kinh doanh dược phẩm	75,5%	7.550
Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	269A Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10, quận Phú Nhuận, TP.HCM	Xây dựng, lắp đặt và tư vấn liên quan đến công trình xây dựng, tư vấn đầu tư	35,35%	23.332

Danh sách các chi nhánh

STT	Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
1	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Louis Capital - Trang Trại Hòa Bình	Hòa Bình	Chăn nuôi
2	Chi Nhánh Phú Thọ - Công Ty Cổ Phần The Golden Group	Phú Thọ	Xây dựng
3	Chi Nhánh Hà Nội - Công Ty Cổ Phần The Golden Group (Đã chấm dứt hoạt động chi nhánh ngày 15/01/2025)	Hà Nội	Hoạt động tư vấn quản lý
4	VPĐD tại TP.HCM - Công Ty Cổ Phần The Golden Group	TP.HCM	Đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của doanh nghiệp và bảo vệ cho các lợi ích đó
5	Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ Phần The Golden Group	TP.HCM	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TÂM NHÌN - SỬ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TÂM NHÌN

The Golden Group định hướng phát triển thành một Tập đoàn đa ngành hàng đầu khu vực, không ngừng học hỏi, đổi mới, sáng tạo để kiến tạo hệ sinh thái các sản phẩm dịch vụ đẳng cấp.

SỬ MỆNH

The Golden Group luôn luôn vì một thế hệ, tương lai tốt đẹp, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người Việt và nâng tầm vị thế của thương hiệu Việt trên thị trường quốc tế.

ĐỊNH VỊ

The Golden Group tạo nên một giá trị thương hiệu bằng sự hài lòng khách hàng. The Golden Group luôn xây dựng hệ thống quản lý vận hành doanh nghiệp hiện đại, sang trọng và gắn kết.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

The Golden Group luôn luôn đặt chữ “**TÍN – TÂM – TRÍ**” lên vị trí hàng đầu hoạt động doanh nghiệp, lấy chữ TÍN làm vũ khí cạnh tranh và TÂM làm nền tảng, TRÍ làm sức sống.



Để doanh nghiệp có thể phát triển bền vững, ngoài những mục tiêu đã đề ra. Ban lãnh đạo TGG cũng cần phải có những chiến lược rõ ràng, cụ thể về trung và dài hạn như sau:

- Kiểm soát chặt chẽ tất cả các chi phí đầu vào, nhằm tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp;
- Cơ cấu lại bộ máy quản lý phù hợp với ngành nghề và lĩnh vực hoạt động của Công ty;
- Tập trung nâng cao chất lượng hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tăng cường tìm kiếm các cơ hội đầu tư phù hợp.

Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng đến các mục tiêu trách nhiệm đối với môi trường và an sinh xã hội như:

Đối với vấn đề bảo vệ môi trường

Nguồn năng lượng Công ty tiêu thụ chủ yếu về điện năng để phục vụ công việc tại văn phòng. Toàn thể cán bộ công nhân viên luôn tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm điện năng để giảm sự nóng lên toàn cầu.

Đối với xã hội

Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng bằng cách hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn trong tập thể cán bộ nhân viên Công ty. Ngoài ra, Công ty nỗ lực thực hiện hoạt động vì cộng đồng và lan toả ảnh hưởng, thúc đẩy cá nhân luôn cùng tham gia vì một xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro, bất định. Xung đột quân sự tiếp tục leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, nợ công và thâm hụt ngân sách tăng, sự tuột dốc của một số nền kinh tế lớn, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ, đã tác động đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới. Tuy nhiên, kinh tế thế giới đang dần ổn định khi thương mại hàng hóa toàn cầu được cải thiện trở lại, áp lực lạm phát giảm dần điều kiện thị trường tài chính tiếp tục được nới lỏng, thị trường lao động phục hồi tích cực.

Năm 2024, đánh dấu một năm Chính phủ linh

động, linh hoạt trong điều hành chính sách vĩ mô. Lạm phát cơ bản được kiểm soát, sản xuất phục hồi ấn tượng, đầu tư nước ngoài khởi sắc. Tăng trưởng kinh tế cả năm 2024 đạt 7,09% - là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

Bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được, nền kinh tế Việt Nam cũng đối mặt với những rủi ro như: tỷ giá USD-VND biến động khó lường; huy động vốn đầu tư công còn hạn chế; thuế quan và các biện pháp phi thuế quan đều đang được áp dụng ngày càng nhiều trong thương mại quốc tế

Nhằm hạn chế tác động của rủi ro kinh tế, Công ty luôn nỗ lực theo sát, đánh giá thị trường để kịp thời đưa ra các chính sách phù hợp với diễn biến thị trường.

Rủi ro pháp luật

TGG hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần và được giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCom) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội nên mọi hoạt động của Công ty đều chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Dân sự, Luật Lao động, Luật Chứng khoán,... Một khi các văn bản luật này thay đổi sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Ý thức được tầm quan trọng liên quan đến pháp lý, TGG luôn chủ động nắm bắt tình hình thay đổi các quy định pháp luật có liên quan để kịp thời điều chỉnh hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

Rủi ro lãi suất

Tình hình kinh tế vĩ mô Mỹ tương đối ổn định, phục hồi khá sau giai đoạn dịch Covid-19. Dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ có thể đạt 2,5-2,7% năm 2024 và giảm xuống còn 1,8-2% năm 2025. Sau cuộc họp thường kỳ tháng 9/2024, Cục dự trữ Liên Bang Mỹ đã quyết định cắt giảm lãi suất cho vay qua đêm 0,5 điểm đưa lãi suất này về mức 4,75-5% và tuyên bố sẽ tiếp tục tiến trình hạ lãi suất. Việc FED giảm lãi suất đã tác động đến kinh tế - tài chính toàn cầu, trong đó có Việt Nam:

- Thứ nhất, lãi suất toàn cầu có xu hướng giảm sẽ kích cầu tiêu dùng, đầu tư, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân;

- Thứ hai, giảm áp lực tỷ giá;

- Thứ ba, góp phần ổn định mặt bằng lãi suất, giảm chi phí vốn nợ và đầu tư bằng ngoại tệ của doanh nghiệp Việt Nam;

Thứ tư, tác động tích cực đối với thị trường chứng khoán và dòng vốn đầu tư, nhất là đầu tư gián tiếp nước ngoài.

Trong năm 2025, lãi suất vẫn còn nhiều biến động trong bối cảnh chính sách tiền tệ của nhiều nước đang thắt chặt để chống lại khủng hoảng lạm phát toàn cầu. Theo đó, TGG cần theo dõi biến động lãi suất trên thị trường nhằm điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp nhằm kiểm soát chi phí tài chính trong hoạt động kinh doanh của mình.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro chính, TGG còn phải chú ý đến các rủi ro bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn lao động,... Những rủi ro này tuy hiếm xảy ra nhưng nó có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động và sự ổn định của Công ty cũng như toàn xã hội. Tuy không thể loại bỏ hoàn toàn những rủi ro trên nhưng Công ty có thể đề phòng và giảm thiểu tổn thất bằng cách thường xuyên cập nhật các tin tức: Chính trị, thời tiết, xã hội,... Đồng thời, để đảm bảo an toàn cho người lao động, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh liên tục và tránh các tổn thất không đáng có, doanh nghiệp luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy

định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, sơ tán và thường xuyên kiểm tra các thiết bị để chủ động ứng phó, hạn chế thiệt hại về người và tài sản ở mức thấp nhất. Đồng thời, thực hiện các phương án phòng ngừa giúp giảm thiểu các thiệt hại như lắp đặt các hệ thống cứu hỏa, tuyên truyền phòng cháy chữa cháy và các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn khác.

A large, stylized number '2' composed of a blue wireframe grid, positioned at the top right of the page. A horizontal green line extends from the left edge of the number towards the left side of the page.

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ❖ Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu
- ❖ Tổ chức và nhân sự
- ❖ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024 (*)

Toàn cảnh năm 2024 là một năm đầy thách thức và khắc nghiệt với toàn bộ nền kinh tế xã hội nói chung và TGG nói riêng. Lạm phát tuy hạ nhiệt nhưng vẫn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao, thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm,... ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu. Trong năm qua, Công ty luôn nỗ lực hoàn thiện bộ máy nhân sự và đạt được kết quả như sau:

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	% TH 2024/ KH 2024	% TH 2024/ TH 2023
1	Tổng giá trị tài sản	401.250.490.885	-	300.511.223.171	-	-25,11%
2	Doanh thu thuần	6.865.824.168	480.000.000.000	483.994.958.659	100,83%	6.949,33%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-19.241.314.415	-	-15.295.659.735	-	-20,51%
4	Lợi nhuận trước thuế	-19.317.026.090	-	-14.748.154.769	-	-23,65%
5	Lợi nhuận sau thuế	-21.714.035.203	3.000.000.000	-16.867.507.635	-562,25%	-22,32%

(*) Thời điểm lập Báo cáo thường niên Công ty chưa hoàn thành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, nên các số liệu, chỉ tiêu về tài chính được tính toán trên cơ sở Báo cáo tài chính tự lập. Sau khi hoàn tất Báo cáo Tài chính kiểm toán 2024 Công ty sẽ tiến hành điều chỉnh lại số liệu, chỉ tiêu tài chính và sẽ công bố thông tin về các sự thay đổi nếu có

Cơ cấu doanh thu (*)

ĐVT: đồng

STT	Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024		% 2024/2023
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu bán hàng hoá	4.442.491.292	63,99%	460.328.706.910	95,07%	10.261,95%
2	Doanh thu bán thành phẩm	-	-	-	-	-
3	Doanh thu dịch vụ	2.499.752.233	36,01%	23.882.313.958	4,93%	855,39%
Tổng cộng		6.942.243.525	100%	484.211.020.868	100%	6.874,85%

Trong năm 2024, vẫn chịu sự ảnh hưởng từ các chính sách liên quan đến bất động sản, huy động vốn ngân hàng, cũng như ảnh hưởng tại thị trường chứng khoán. Theo đó, tuy lợi nhuận sau thuế không đạt được như kỳ vọng, nhưng cũng đạt được một số thành tựu. Cụ thể:

- Tổng tài sản Công ty giảm từ 401 tỷ đồng xuống 300 tỷ đồng nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Công ty thoái vốn tại các Công ty con, cũng như thanh lý một số tài sản tại các Công ty con;
- Doanh thu thuần Công ty tăng mạnh, nguyên nhân chính đến từ việc hợp nhất báo cáo tài chính với Công ty con là Công ty TNHH Angimex Furious, đây cũng chính là hoạt động đầu tư mang lại lợi nhuận cũng là một mảng kinh doanh lớn đóng góp vào doanh thu của Công ty;
- Lợi nhuận trước và sau thuế vẫn là số âm, nguyên nhân do phát sinh các khoản trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con và các khoản phải thu khó đòi;

Tuy nhiên, toàn thể Công ty vẫn đang rất nỗ lực, cố gắng duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm 2024, TGG đã hoàn thiện cơ cấu bộ máy tổ chức và đồng thời đẩy mạnh những dự án còn dở dang và chuyển hướng đầu tư thử sức trong lĩnh vực mới thúc đẩy hoạt động kinh doanh của TGG trong tương lai.

(*) Thời điểm lập Báo cáo thường niên Công ty chưa hoàn thành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, nên các số liệu, chỉ tiêu về tài chính được tính toán trên cơ sở Báo cáo tài chính tự lập. Sau khi hoàn tất Báo cáo Tài chính kiểm toán 2024 Công ty sẽ tiến hành điều chỉnh lại số liệu, chỉ tiêu tài chính và sẽ công bố thông tin về các sự thay đổi nếu có

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (CP)		Tỷ lệ sở hữu
			Cá nhân	Đại diện	
1	Ông Lý Thanh Nhã	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	0	0%
2	Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	0	0	0%
3	Bà Trần Thị Thanh Loan	Quyền Kế toán trưởng	0	0	0%

Lý lịch Ban điều hành

Ông LÝ THANH NHÃ - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh:	17/02/1981
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính ngân hàng
Chức vụ tại các tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Pomax Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hòa Bình Thành viên HĐQT Công ty TNHH Angimex Furious Chủ tịch HĐQT CTCP Quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC Chủ tịch HĐQT CTCP HB Pharma
2015 - 2016	Trưởng Ban đầu tư Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO)
2017 - 2018	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây lắp Bà Rịa - Vũng Tàu (VRC)
2021 - Nay	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Pomax Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng và tư vấn đầu tư (CIC) Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hòa Bình
T5/2023 - Nay	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Angimex Furious
10/4/2023 - Nay	<ul style="list-style-type: none"> Tổng giám đốc Công ty cổ phần The Golden Group
T12/2023 - Nay	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT CTCP Quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC

Ông VÕ KIM NGUYÊN - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh:	23/01/1991
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Toán tài chính
Chức vụ tại các tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"> Giám đốc Công ty TNHH Nguyên liệu gốm sứ - Xây dựng Thiên Lợi Giám đốc Công ty TNHH Công nghiệp Titan BIDICO Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại Tài chính Hồng Việt Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang Thành viên BKS Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> 04/2017- Nay: Giám đốc Công ty TNHH Nguyên liệu gốm sứ - Xây dựng Thiên Lợi 09/2017- Nay: Giám đốc Công ty TNHH Công nghiệp Titan Bidico 10/2019 - Nay: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Tài chính Hồng Việt 04/2014 – 10/2020: Trưởng phòng/Giám đốc đầu tư Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghiệp Bảo Thư 10/2020 – 06/2022: Trưởng Ban Quan hệ cổ đông Công ty cổ phần Louis Holdings 06/2021 – 12/2021: Người phụ trách quản trị Công ty cổ phần Louis Capital 01/2020 - 04/2023: Người phụ trách quản trị Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) 06/2022- 04/2024: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang 22/07/2022 – 10/04/2023: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần The Golden Group (tên cũ: Công ty cổ phần Louis Capital) T12/2023 - Nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) 04/2023 – Nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần The Golden Group 06/2024 – Nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty TNHH Angimex Furious

Bà TRẦN THỊ THANH LOAN - Quyền Kế toán trưởng

Ngày sinh:	03/01/1990
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản trị ngân hàng
Chức vụ tại các tổ chức khác:	
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> 2013 - 2020: Kế toán Công ty cổ phần Mắt Bão 2020 - 2024: Kế toán Công ty TNHH MTV Louis Rice 2024 - nay: Quyền Kế toán trưởng Công ty Cổ phần The Golden Group

Những thay đổi trong Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Nguyễn Thị Trúc Linh	Kế toán trưởng	22/07/2022	15/05/2024
2	Bà Trần Thị Thanh Loan	Quyền Kế toán trưởng	15/05/2024	-

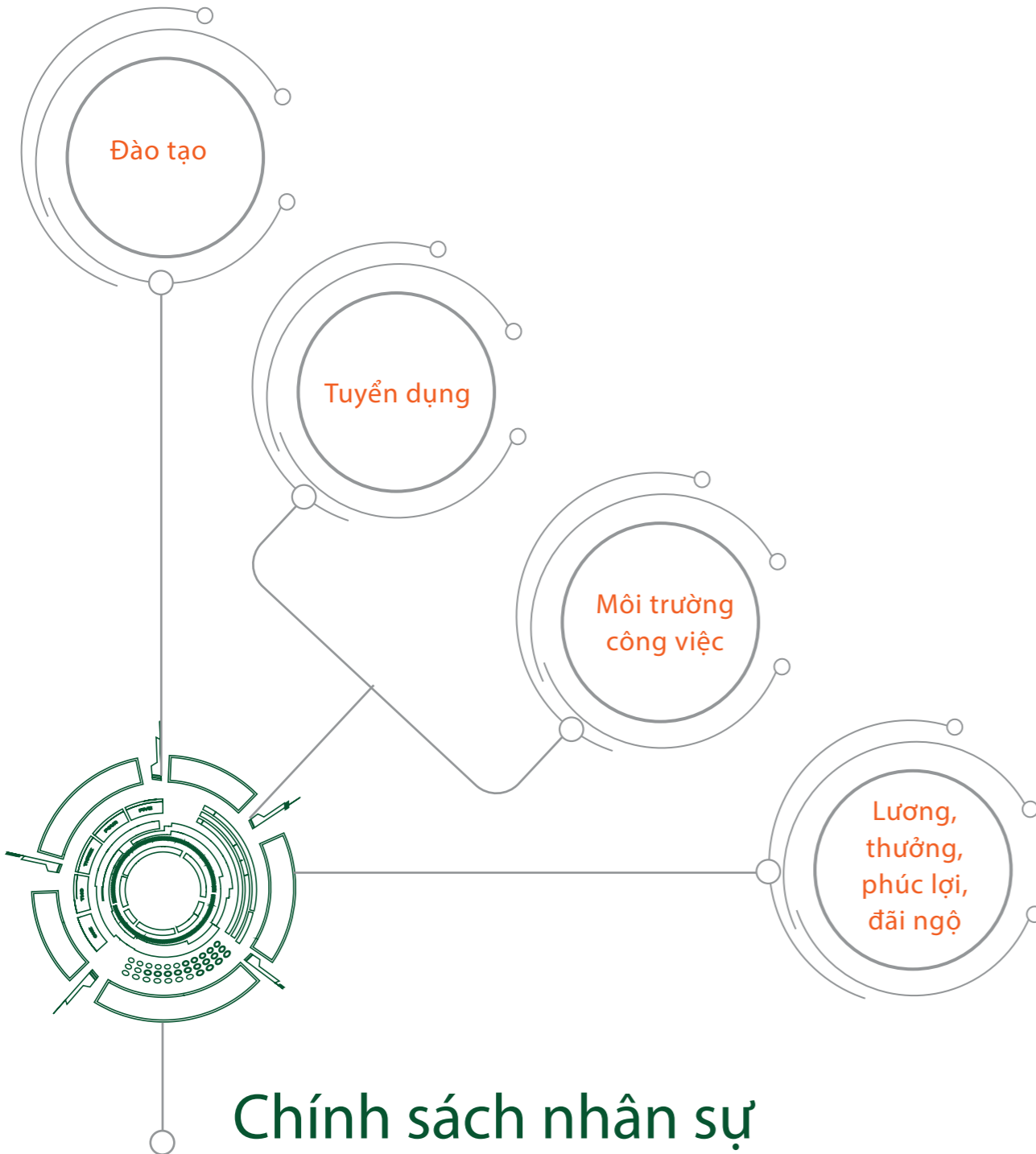
Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Năm 2023		Năm 2024	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	15	100%	6	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	10	67%	5	83%
2	Lao động phổ thông	5	33%	1	17%
B	Theo giới tính	15	100%	6	100%
1	Nam	8	53%	4	67%
2	Nữ	7	47%	2	33%
C	Theo thời hạn HĐLĐ	15	100%	6	100%
1	Vô thời hạn	1	7%	1	17%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	14	93%	5	83%
Tổng cộng		15	100%	6	100%

Thu nhập bình quân

Năm	Năm 2023	Năm 2024
Thu nhập bình quân (đồng/người/năm)	139.768.763	263.690.498





Về đào tạo

Nhân lực được TGG xem là chìa khóa quan trọng cho sự phát triển lâu dài của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn khuyến khích người lao động tham gia các khóa đào tạo để nâng cao tay nghề chuyên môn cũng như năng lực nghiệp vụ. Các khóa đào tạo được Công ty kết hợp xen kẽ giữa đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài, đào tạo ngắn hạn và đào tạo dài hạn tùy thuộc vào nhu cầu và mục đích của khóa đào tạo.



Về tuyển dụng

Công ty tích cực tuyển dụng nhân lực đáp ứng đầy đủ yêu cầu về trình độ chuyên môn cũng như năng lực phù hợp với định hướng phát triển của Công ty, quy trình tuyển dụng được diễn ra chặt chẽ, công bằng, công khai và minh bạch.



Môi trường công việc

Công ty luôn cố gắng tạo ra môi trường làm việc thân thiện, lành mạnh, văn minh nơi mà mỗi nhân viên có thể học hỏi và phát triển bản thân. Để đảm bảo môi trường làm việc tốt nhất cho nhân viên, Công ty Cổ phần The Golden Group không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động ngoại khóa và các hoạt động gắn kết nhân viên. Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách hỗ trợ các hoạt động văn hóa, thể thao và giải trí, nhằm tạo ra môi trường làm việc tích cực và thân thiện.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

TGG luôn đảm bảo thực hiện tốt các quy định của Luật Lao động, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế như cho người lao động như: chế độ nghỉ phép, nghỉ ốm, lễ tết, chế độ thai sản... Công ty luôn cố gắng theo sát tiến độ làm việc của nhân viên để đảm bảo công bằng, công khai trong mọi chính sách lương, thưởng gắn liền với hiệu quả làm việc. Bên cạnh đó, nhằm tạo động lực cho cán bộ nhân viên gắn bó lâu dài, Công ty đã cung cấp lộ trình thăng tiến rõ ràng cho nhân viên.

Ngoài ra, Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng cho từng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc cũng như có những đóng góp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời Công ty chú trọng áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Các dự án đầu tư lớn của Công ty Cổ phần The Golden Group đang thực hiện đã tạm dừng hoạt động và Công ty đang lên kế hoạch thực hiện định hướng phát triển mới.

Tình hình tài chính các Công ty con (*)

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	VĐL thực góp của TGG (Triệu đồng)
Công ty con					
1	Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global	Số 7-9, đường số 7, Khu đô thị Sala, phường An Lợi Đông, thành phố Thủ Đức, TPHCM	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	100%	2.000
2	Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	14 Nguyễn Văn Vĩnh, phường 4, quận Tân Bình, TPHCM	Hoạt động dịch vụ tài chính	79,8%	88.700
3	Công ty Cổ phần Golden Paddy (đã thoái vốn ngày 9/8/2024)	Ấp Phú Hòa 2, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, An Giang	Xây xát và sản xuất bột thô	46,2%	30.000
4	Công ty TNHH Một thành viên Thu mua phụ phẩm PBP (đã thoái vốn ngày 9/8/2024)	14 Nguyễn Văn Vĩnh, phường 4, quận Tân Bình, TPHCM	Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu	100%	1.850
5	Công ty Cổ phần HB Pharma (đã thoái vốn ngày 01/12/2024)	402-404 đường Tùng Thiện Vương, phường 13, quận 8, TPHCM	Kinh doanh dược phẩm	75,5%	7.550
6	Công ty TNHH Agimex Furious	Số 26 Trần Hưng Đạo, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Mua bán xe máy	51%	51.000
Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	269A Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10, quận Phú Nhuận, TPHCM	Xây dựng, lắp đặt và tư vấn liên quan đến công trình xây dựng, tư vấn đầu tư	35,35%	23.332

(*) Thời điểm lập Báo cáo thường niên Công ty chưa hoàn thành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024. Sau khi hoàn tất Báo cáo Tài chính kiểm toán 2024, Công ty sẽ tiến hành công bố thông tin thay đổi nội dung này trong Báo cáo thường niên 2024

Công ty con

Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2023	TH 2024	%2024/2023
1	Tổng tài sản	284.629.724	283.509.418	99,61%
2	Doanh thu thuần	-	-	-
3	Giá vốn hàng bán	-	-	-
4	Doanh thu hoạt động tài chính	551.110	214.154	38,86%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	1.268.672.593	1.334.460	0,11%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-1.268.121.483	-1.120.306	0,09%
7	Lợi nhuận khác	-74.701.043	-	-
8	Lợi nhuận trước thuế	-1.342.822.526	-1.120.306	0,08%
9	Lợi nhuận sau thuế	-1.342.822.526	-1.120.306	0,08%

Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2023	TH 2024	%2024/2023
1	Tổng tài sản	66.812.307.036	37.413.093.196	55,99%
2	Doanh thu thuần	2.400.000.000	32.330.000.000	1.347,08%
3	Giá vốn hàng bán	3.921.290.678	34.277.690.663	874,14%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	256.773	645.808	251,51%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	3.370.432.049	4.764.814.893	141,37%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-4.891.465.954	-6.711.859.748	137,22%
7	Lợi nhuận khác	-3.165.878	-438.317.387	13.845,05%
8	Lợi nhuận trước thuế	-4.894.631.832	-7.150.177.135	146,08%
9	Lợi nhuận sau thuế	-4.894.631.832	-7.150.177.135	146,08%

Tình hình tài chính các Công ty con

Công ty Cổ phần Golden Paddy

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2023	TH 2024	%2024/2023
1	Tổng tài sản	59.159.974.054	-	-
2	Doanh thu thuần	-	-	-
3	Giá vốn hàng bán	-	-	-
4	Doanh thu hoạt động tài chính	7.985	-	-
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	4.750.734.170	-	-
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-4.750.726.185	-	-
7	Lợi nhuận khác	-	-	-
8	Lợi nhuận trước thuế	-4.750.726.185	-	-
9	Lợi nhuận sau thuế	-4.750.726.185	-	-

Công ty Cổ phần HB Pharma

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2023	TH 2024	%2024/2023
1	Tổng tài sản	15.014.867.651	-	-
2	Doanh thu thuần	4.370.925.571	-	-
3	Giá vốn hàng bán	4.094.205.487	-	-
4	Doanh thu hoạt động tài chính	37.616.580	-	-
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	5.210.455.224	-	-
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-4.896.118.560	-	-
7	Lợi nhuận khác	2.748.304	-	-
8	Lợi nhuận trước thuế	-4.893.370.256	-	-
9	Lợi nhuận sau thuế	-4.893.370.256	-	-

Công ty TNHH Một thành viên Thu mua phụ phẩm PBP

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2023	TH 2024	%2024/2023
1	Tổng tài sản	6.247.876	8.721.193	139,59%
2	Doanh thu thuần	-	-	-
3	Giá vốn hàng bán	-	-	-
4	Doanh thu hoạt động tài chính	19.284	1.317	6,83%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	2.346.182	528.000	22,50%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-2.326.898	-526.683	22,63%
7	Lợi nhuận khác	-	-	-
8	Lợi nhuận trước thuế	-2.326.898	-526.683	22,63%
9	Lợi nhuận sau thuế	-2.326.898	-526.683	22,63%

Công ty TNHH Angimex Furious

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2023	TH 2024	%2024/2023
1	Tổng tài sản	194.529.047.187	186.025.233.693	95,63%
2	Doanh thu thuần	409.465.968.836	451.591.881.736	110,29%
3	Giá vốn hàng bán	377.338.991.193	403.349.592.721	106,89%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	999.646.364	727.482.605	72,77%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	55.588.943.337	55.318.280.864	99,51%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-22.462.319.330	-6.348.509.244	28,26%
7	Lợi nhuận khác	2.521.208.195	1.100.383.925	43,65%
8	Lợi nhuận trước thuế	-19.941.111.135	-5.248.125.319	26,32%
9	Lợi nhuận sau thuế	-19.941.111.135	-5.248.125.319	26,32%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (*)

TỔNG TÀI SẢN 2024	300.511 triệu đồng	
DOANH THU THUẦN 2024	483.945 triệu đồng	
LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	-15.295 triệu đồng	
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	-14.748 triệu đồng	
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	-16.867 triệu đồng	

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU(*)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,69	1,42
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,27	0,61
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,69	0,40
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	2,20	0,66
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,08	5,31
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,02	1,61
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	-278,25	-3,05
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	-17,31	-9,31
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	-5,41	-5,61
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	-280,25	-3,16

(*)Thời điểm lập Báo cáo thường niên Công ty chưa hoàn thành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024. Sau khi hoàn tất Báo cáo Tài chính kiểm toán 2024, Công ty sẽ tiến hành công bố thông tin thay đổi nội dung này trong Báo cáo thường niên 2024 (nếu có)



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

01

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các hệ số thanh toán nhanh phản ánh khả năng của doanh nghiệp trong việc thanh toán tức thời, phản ánh khả năng của một doanh nghiệp có thể thanh toán các khoản vay ngắn hạn bằng những tài sản có tính thanh khoản cao như tiền và các khoản tương đương tiền. Hệ số thanh toán ngắn hạn thể hiện khả năng của doanh nghiệp trong việc trả nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn. Các chỉ tiêu này có xu hướng tăng so với năm 2023. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,69 lần lên 1,42 lần, hệ số thanh toán nhanh tăng từ ,027 lần lên 0,61 lần. Nguyên nhân xuất phát từ việc hợp nhất Báo cáo tài chính với Công ty con: Công ty TNHH Angimex Furious dẫn đến tăng nợ ngắn hạn từ đó dẫn đến tăng nợ ngắn hạn. Đồng thời Công ty cũng đã thoái vốn đầu tư tại một số Công ty con kém hiệu quả từ đó dẫn đến các chỉ số về khả năng thanh toán tăng nhẹ trong năm 2024.

03

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản có một số biến động trong năm 2024, lần lượt tăng mạnh từ 0,08 vòng lên 5,31 vòng và từ 0,02 vòng lên 1,61 vòng. Nguyên nhân chính đến từ việc hoạt động kinh doanh ở Công ty con là Công ty TNHH Angimex Furious có sự khởi sắc, đóng góp quan trọng trong cơ cấu doanh thu, cho thấy hiệu quả từ việc đầu tư của Công ty.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

02

Hệ số nợ/tổng tài sản và Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần The Golden Group đều giảm, lần lượt đạt ở mức 0,40% và ,066% năm 2024. Cũng trong năm 2024, do việc hợp nhất với các công ty con mới phát sinh dẫn đến tăng tài sản cố định, hàng tồn kho từ đó dẫn đến hệ số Hệ số nợ/tổng tài sản và Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm, đồng thời cũng ghi nhận việc thoái vốn tại các Công ty con từ đó dẫn đến các chỉ tiêu trong cơ cấu vốn giảm. Cộng với khó khăn chung của nền kinh tế khiến cho Lợi nhuận của Công ty ghi nhận lỗ trong năm tài chính 2024.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

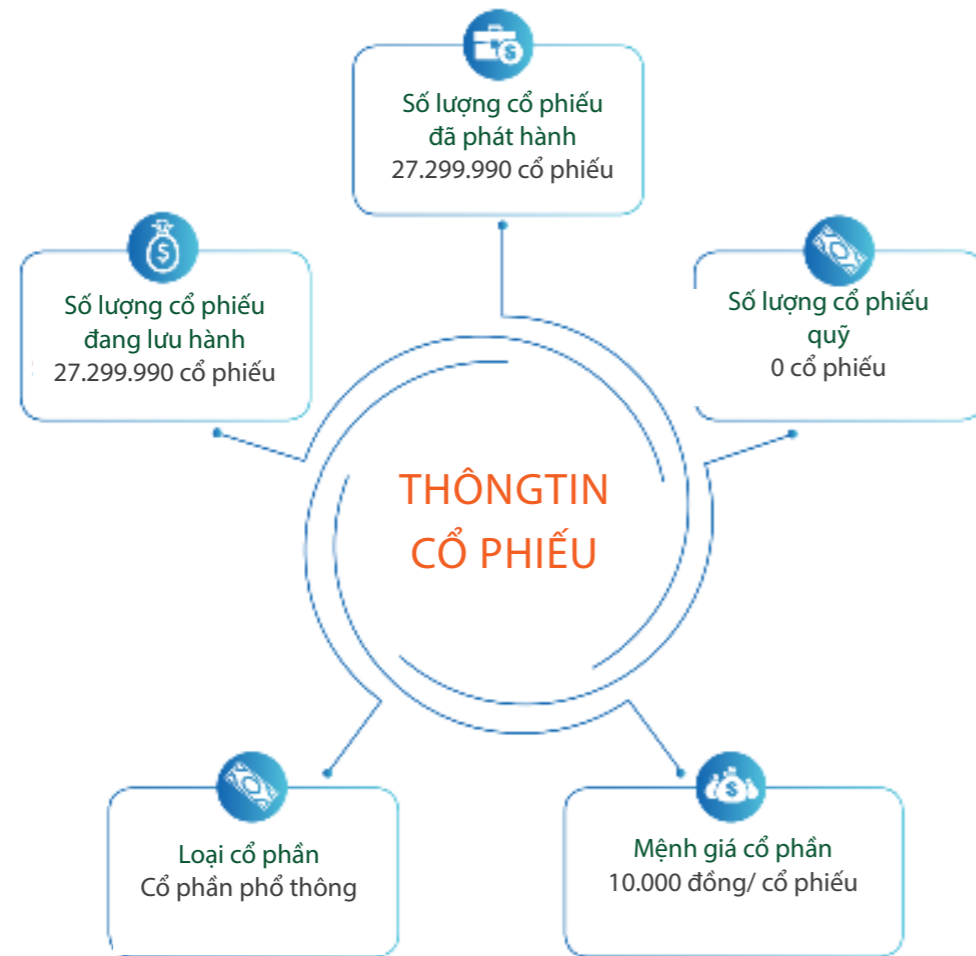
04

Trong năm 2024, TGG đối mặt với những khó khăn chung do tác động đến từ kinh tế vĩ mô. Điều này khiến Lợi nhuận của Công ty trong năm ghi nhận lỗ và các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty không đạt hiệu quả. Đến nay, TGG đang từng bước vạch ra những bước tiến mới, nhằm đem lại hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và thoát lỗ.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần



Cơ cấu cổ đông: (Chốt ngày 31/12/2024)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần (Cổ phần)	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	3.601	27.280.940	99,93%
1	Cá nhân	3.591	27.193.050	99,60%
2	Tổ chức	10	87.890	0,33%
II	Cổ đông nước ngoài	6	19.050	0,07%
1	Cá nhân	3	5.900	0,02%
2	Tổ chức	3	13.150	0,05%
Tổng cộng		3.607	27.299.990	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

Danh sách cổ đông lớn: (Chốt ngày 31/12/2024)

Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
Ông Ngô Quang Tuấn	18 103 Lô C Chung cư 190 Nguyễn Văn Hường, Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.	2.900.000 cổ phiếu	10,62%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2024, Công ty Cổ phần The Golden Group không có sự thay đổi vốn điều lệ.

Báo cáo quá trình tăng vốn

ĐVT: Đồng

Thời điểm	Giá trị tăng thêm	Vốn điều lệ thực góp	Hình thức tăng vốn
2012	-	100.000.000.000	Mức vốn điều lệ ban đầu
2016	160.000.000.000	260.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
2018	12.999.900.000	272.999.900.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Mô hình hoạt động kinh doanh TGG về dịch vụ tài chính, nguồn nhân lực chủ yếu là con người. Do đó, tác động trực tiếp đến môi trường là rất ít. Việc sử dụng các nguồn năng lượng như điện, nước,... để phục vụ công việc tại văn phòng cũng tác động nhất định đến môi trường, gây ảnh hưởng đến hiệu ứng nhà kính. Nhận thấy được mức độ nghiêm trọng, toàn thể cán bộ công nhân viên luôn chủ động thực hiện các biện pháp tiết kiệm nguồn năng lượng để bảo vệ môi trường.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào giữ vai trò quan trọng đối với mọi doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh có được thực hiện liên tục, trơn tru theo đúng kế hoạch hay không một phần nhờ vào yếu tố đầu vào. Đầu vào của TGG là con người, nguồn vốn, cơ sở hạ tầng... Do vậy, Ban lãnh đạo luôn chú trọng quan tâm, kiểm soát chặt chẽ các yếu tố đầu vào nhằm giúp doanh nghiệp phát triển bền vững.

Tiêu thụ năng lượng

TGG hoạt động chủ yếu theo mô hình dịch vụ tài chính, nguồn năng lượng tiêu thụ chủ yếu như: điện năng, nước... Toàn thể cán bộ công nhân viên luôn chủ động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Ưu tiên sử dụng năng lượng tái tạo, hạn chế tối đa các tác nhân gây ô nhiễm môi trường thải ra bên ngoài.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Nhận thấy được tầm quan trọng của mình trong công tác bảo vệ môi trường, TGG đã thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế tác động đến môi trường và cộng đồng trong quá trình hoạt động kinh doanh, cụ thể như:

- Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn năng lượng;
- Tuân thủ các quy định của Chính phủ về bảo vệ môi trường.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng người lao động của Công ty trong năm 2024 duy trì ở mức 6 người với mức lương trung bình đạt 263,7 triệu đồng/người/năm.

Công ty luôn tạo điều kiện để người lao động yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài, thực hiện quy chế trả lương và chính sách phúc lợi tuân theo các quy định rõ ràng của Công ty dựa theo cấp bậc và năng suất làm việc của mỗi nhân viên, đồng thời thực hiện các chính sách khen thưởng nhân viên đạt thành tích tốt trong công việc. Ngoài ra, Công ty luôn đảm bảo cung cấp đầy đủ các chế độ như: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn, Bảo hiểm y tế theo quy định của Bộ Luật lao động.

Công ty tập trung bổ sung đội ngũ nhân lực phù hợp với yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ của từng phòng ban, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý tiềm năng đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của Công ty. Xem xét, đề cử nhân viên tham gia các lớp đào tạo chuyên môn, kỹ năng liên quan đến hoạt động doanh nghiệp nhằm nâng cao tay nghề, chuyên môn, nghiệp vụ.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương



Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn tích cực trong các hoạt động phong trào tại địa phương như: Ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai, bão lụt, xây dựng các quỹ khuyến học, ủng hộ kinh phí xây trường học cho các xã nghèo vùng sâu vùng xa, thăm hỏi và giúp đỡ các cán bộ nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn... Cam kết xây dựng môi trường làm việc an toàn, không gây hại đến sức khỏe và tính mạng cho người lao động, đối tác, khách hàng và cộng đồng.



Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hoạt động thị trường vốn xanh bao gồm các hoạt động như phát hành cổ phiếu xanh nhằm tạo ra nguồn vốn cho các doanh nghiệp thực hiện các dự án liên quan đến môi trường, phát triển xanh. Đây là một hoạt động mới, mang tính chất quan trọng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành nhằm hướng các doanh nghiệp thực hiện hoạt động sản xuất thân thiện với môi trường. TGG luôn cập nhật và tiếp thu những thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời tìm hiểu và thực hiện theo đúng các văn bản ban hành của Ủy ban nhằm hướng đến sự phát triển bền vững lâu dài của Công ty.



3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- ❖ Kế hoạch phát triển trong tương lai
- ❖ Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- ❖ Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



- Nhờ sự thống nhất trong công tác điều hành, phối hợp tốt giữa HĐQT và Ban Điều hành giúp cho các quyết định các chính sách được nhanh chóng và kịp thời.
- Công ty có đội ngũ cán bộ - công nhân kỹ thuật - sản xuất với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thi công công trình.
- Cơ chế chính sách được xây dựng rõ ràng tạo niềm tin cho cán bộ nhân viên về định hướng phát triển trong tương lai tạo sự an tâm và gắn kết tạo nên sức mạnh của doanh nghiệp.

THUẬN LỢI



KHÓ KHĂN

- Tình hình giá cả nguyên liệu đầu vào có sự biến động phức tạp, làm cho việc tính toán điều chỉnh kế hoạch kinh doanh của Ban lãnh đạo chưa đem lại hiệu quả cao cho hoạt động của Công ty.
- Thị trường cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước và đòi hỏi chất lượng sản phẩm, dịch vụ cao và mức giá phù hợp. Đây là bài toán khó cho hầu hết các doanh nghiệp trong nền kinh tế như hiện nay.
- Công ty đang trong quá trình cơ cấu lại cơ cấu bộ máy nhân sự, nên việc triển khai kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh chưa được đảm bảo.



Tình hình tài sản (*)

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		%2024/2023
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	171.845.943.698	42,83%	143.970.224.919	47,91%	83,78%
Tài sản dài hạn	229.404.547.187	57,17%	156.540.998.252	52,09%	68,24%
Tổng tài sản	401.250.490.885	100%	300.511.223.171	100%	74,89%

Cơ cấu tài sản của Công ty năm 2024 có sự biến động mạnh mẽ. Cụ thể, tổng tài sản của TGG tại thời điểm 31/12/2024 đạt 300 tỷ đồng.

Tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn của TGG tại thời điểm cuối năm 2024 giảm lần lượt đạt 143 tỷ đồng, và 156 tỷ đồng. Nguyên nhân chính đến từ khoản đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết giảm trong năm 2024, đồng thời Công ty đã thoái vốn tại một số công ty con hoạt động không hiệu quả và thanh lý một số tài sản cố định ở các Công ty con.

(*) Thời điểm lập Báo cáo thường niên Công ty chưa hoàn thành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, nên các số liệu, chỉ tiêu về tài chính được tính toán trên cơ sở Báo cáo tài chính tự lập. Sau khi hoàn tất Báo cáo Tài chính kiểm toán 2024 Công ty sẽ tiến hành điều chỉnh lại số liệu, chỉ tiêu tài chính và sẽ công bố thông tin về các sự thay đổi nếu có.

Tình hình nợ ngắn hạn (*)

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		%2024/2023
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	248.161.831.291	89,98%	101.612.682.945	85,09%	40,95%
Nợ dài hạn	27.623.517.159	10,02%	17.794.110.174	14,91%	64,42%
Tổng nợ phải trả	275.785.348.450	100%	119.406.793.119	100%	43,30%

Về cơ cấu nợ phải trả của Công ty giảm, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc ông ty đã thoái vốn tại một số công ty con hoạt động không hiệu quả.

(*) Thời điểm lập Báo cáo thường niên Công ty chưa hoàn thành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, nên các số liệu, chỉ tiêu về tài chính được tính toán trên cơ sở Báo cáo tài chính tự lập. Sau khi hoàn tất Báo cáo Tài chính kiểm toán 2024 Công ty sẽ tiến hành điều chỉnh lại số liệu, chỉ tiêu tài chính và sẽ công bố thông tin về các sự thay đổi nếu có.





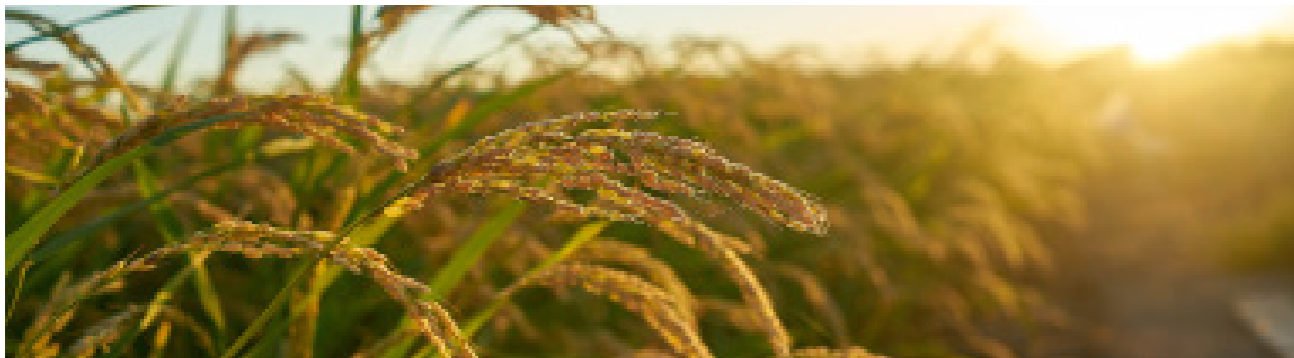
NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

TGG luôn có những điều chỉnh về mặt tổ chức và quản lý để phù hợp với định hướng phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục đẩy mạnh công tác nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ kỹ thuật tiên tiến vào công tác quản lý và chăm sóc khách hàng.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Đối mặt với những khó khăn của tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam đồng thời triển vọng ngành kinh doanh của Công ty không khả quan, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần The Golden Group đã thảo luận và quyết định đổi hướng phát triển công ty sang ngành Dược phẩm là cốt lõi. Đồng thời, chuyển sang hoạt động M&A những công ty hoạt động trong lĩnh vực Dược hoặc các Công ty có tiềm năng để mở rộng thị phần hoạt động.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI

Ý KIẾN KIỂM TOÁN:

Thời điểm lập Báo cáo thường niên Công ty chưa hoàn thành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, nên các số liệu, chỉ tiêu về tài chính được tính toán trên cơ sở Báo cáo tài chính tự lập. Sau khi hoàn tất Báo cáo Tài chính kiểm toán 2024 Công ty sẽ tiến hành điều chỉnh lại số liệu, chỉ tiêu tài chính và sẽ công bố thông tin về các sự thay đổi nếu có.





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu về môi trường

Vấn đề ô nhiễm môi trường là vấn đề quan tâm của toàn cầu. Thực trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay đang ở mức báo động. Do sự thiếu ý thức cũng như vô tư của nhiều người đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái môi trường. Trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh, TGG luôn đảm bảo không gây ảnh

hưởng đến môi trường sống. Ngoài ra, Ban lãnh đạo TGG luôn chỉ đạo nhân viên cần phải tuyên truyền, truyền tải những thông tin, kiến thức và tầm quan trọng về các vấn đề ô nhiễm môi trường với mọi người để họ có thể hiểu rõ hơn về vấn đề cấp bách này.

Đánh giá liên quan đến người lao động

Nguồn nhân lực là then chốt trong sự phát triển của TGG, chính vì vậy Ban lãnh đạo luôn quan tâm tới công tác đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đối với cán bộ công nhân viên tại Công ty luôn được đảm bảo đầy đủ đóng bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Công ty luôn có những chính sách hỗ trợ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn và chế độ khen thưởng phù hợp với những cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công việc. Những nhân viên có năng lực, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty sẽ được bồi dưỡng để đưa lên những chức vụ cao hơn. Từ đó, giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định và ngày càng phát triển.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh việc chú trọng vào hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn cố gắng thực hiện tốt trách nhiệm của mình đến các vấn đề xã hội cũng như cộng đồng địa phương. Đồng thời, tích cực tham gia các hoạt động gây quỹ hỗ trợ người dân có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương, trao học bổng cho những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và cố gắng trong học tập; ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai,... góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân và chung tay xây dựng xã hội ngày càng phát triển.



4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- ❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- ❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- ❖ Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Trong năm 2024, Ban lãnh đạo TGG đã chủ động cơ cấu lại tài chính và nguồn vốn phù hợp, điều chỉnh hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với biến động của thị trường tại các giai đoạn. Tuy nhiên, do ảnh hưởng chung của nền kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chưa có nhiều thành tựu đáng kể. HĐQT đương nhiệm đã và đang dẫn dắt Công ty thay đổi định hướng kinh doanh, hướng tới sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và đầu tư theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, luôn bám sát nội dung của các nghị quyết do ĐHĐCĐ và HĐQT ban hành.

Ban Tổng giám đốc cũng rất chú trọng công tác quản lý tài chính, cắt giảm các chi phí không cần thiết để tập trung nguồn lực vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc cũng đã đảm bảo hỗ trợ kịp thời, quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, duy trì môi trường làm việc ổn định và lành mạnh cho cán bộ, nhân viên Công ty.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã có những chiến lược và hướng đi phù hợp với tình hình hiện tại cho TGG như sau:

Tập trung chỉ đạo quản trị định hướng hoạt động kinh doanh và đưa ra những chỉ đạo kịp thời nâng cao hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh khó khăn chung của toàn thị trường;
Phối hợp với BKS nâng cao hoạt động kiểm soát rủi ro và kiểm soát chi phí để tối ưu hóa nguồn lực.

Về hoạt động kinh doanh



Tiếp tục chỉ đạo, quản trị, giám sát hoạt động của Công ty nhằm tiếp tục ổn định và phát triển bền vững, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2024 do Đại hội đồng cổ đông giao phó;



Tăng cường công tác dự báo, nâng cao năng lực quản lý tài chính, điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh; kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động, cũng như tìm kiếm khả năng kinh doanh ở các lĩnh vực mới



Tiếp tục tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động, luôn cập nhật các chính sách, quy định pháp luật mới; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty;



Không ngừng cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tiên tiến; kiện toàn bộ máy quản lý; nâng cao đời sống cán bộ, công nhân viên Công ty;



Luôn tuân thủ các quy định pháp luật của Nhà nước trong quá trình hoạt động, liên tục cập nhật sự thay đổi của Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp,... để có phương án kinh doanh phù hợp với quy định của nhà nước.





5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ❖ Hội đồng quản trị
- ❖ Ban Kiểm soát
- ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần và cơ cấu HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (CP)		Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
			Cá nhân	Đại diện		
1	Ông Ngô Quang Tuấn	Chủ tịch HĐQT	2.900.000	0	10,62%	
2	Lý Thanh Nhã(*)	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	0	0	
3	Vũ Anh Sinh	Thành viên HĐQT	0	0	0	
4	Ông Võ Kim Nguyên(*)	Thành viên HĐQT trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	0	0	0	
5	Ông Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên độc lập HĐQT	0	0	0	

(*) Thông tin lý lịch của Ông Lý Thanh Nhã Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc, Ông Võ Kim Nguyên Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc xem thông tin tại Phần 2 - Tổ chức và nhân sự.

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

Ông NGÔ QUANG TUẤN - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh	01/10/1982
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ tại các tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none"> Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần BV Pharma Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hòa Bình Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Pomax

Quá trình công tác

04/2015 - Nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần BV Pharma
09/2020 - Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Pomax
12/2020 - T4/2023	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư
01/2022 - Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hòa Bình
27/03/2023 - Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần The Golden Group

Số lượng cổ phần sở hữu

Người có liên quan: 2.000 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông NGUYỄN QUỐC DŨNG - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Ngày sinh	12/04/1977
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ tại các tổ chức khác	Tổng giám đốc CTCP BV Pharma
Quá trình công tác	
2016 - T4/2019	Giám đốc Công ty TNHH BRV Health Care
T5/2019 - Nay	Tổng giám đốc Công ty cổ phần BV Pharma

Ông VŨ ANH SINH - Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh	30/07/1981
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	
07/2020 - 09/2022	Giám đốc Công ty TNHH Năng lượng Green Field
08/2020 - 01/2023	Giám đốc chi nhánh miền Bắc - Công ty cổ phần Louis Holdings
09/2021 - 07/2022	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần The Golden Group
01/2022 - 09/2022	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng
04/2022 - 07/2024	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần The Golden Group
07/2022 - 03/2023	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần The Golden Group





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Những thay đổi trong cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Vũ Anh Sinh	Thành viên Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm 15/04/2022	Miễn nhiệm 19/07/2024



Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chưa thành lập các tiểu ban chuyên trách mà hoạt động thông qua các Phòng chức năng của Công ty, phân công người phụ trách riêng từng vấn đề như tài chính, nhân sự, kinh doanh,... để hỗ trợ hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

- Trong năm 2024, HĐQT đã theo sát tình hình hoạt động và Công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc. Ban Tổng giám đốc thường xuyên thảo luận, trao đổi về các vấn đề quan trọng của Công ty và báo cáo tiến độ hoàn thành công việc cho HĐQT thông qua các cuộc họp. Do đó, việc giám sát của HĐQT với Ban Tổng giám đốc luôn được thực hiện một cách chặt chẽ, kịp thời và liên tục;
- HĐQT luôn giám sát việc tuân thủ các quy định hiện hành liên quan đến hoạt động quản trị của Công ty; luôn công bố thông tin đầy đủ, kịp thời và chính xác về tình hình hoạt động, kinh doanh, các định hướng phát triển trong tương lai;
- Tham dự và giám sát việc thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, phối hợp thực hiện các nội dung của các Nghị quyết do HĐQT ban hành;
- Bên cạnh đó, thường xuyên đóng góp ý kiến cho Ban Tổng giám đốc trong hoạt động điều hành, sản xuất kinh doanh, nhằm triển khai có hiệu quả các kế hoạch hoạt động sản xuất, kinh doanh đã được đề ra.

Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự cuộc họp (%)	Lý do không tham dự họp
1	Ông Ngô Quang Tuấn	16/16	100	
2	Ông Lý Thanh Nhã	16/16	100	
3	Ông Võ Kim Nguyên	16/16	100	
4	Ông Nguyễn Quốc Dũng	16/16	100	
5	Ông Vũ Anh Sinh	0/16	0	Theo đơn từ nhiệm ngày 22/09/2023

Nội dung và kết quả của các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã tổ chức 16 phiên họp, ban hành 18 Nghị quyết. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
1	01/2024/TGG/HĐQT-NQ	05/03/2024	Thông qua việc mua thêm cổ phần tại Công ty con là CTCP Golden Paddy từ bên có liên quan để gia tăng tỷ lệ sở hữu	100
2	02/2024/TGG/HĐQT-NQ	22/04/2024	Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024	100
3	03/2024/TGG/HĐQT-NQ	22/04/2024	Thông qua việc gia hạn lần 2 Hợp đồng cho vay giữa Công ty và Công ty con là CTCP Quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	100
4	04/2024/TGG/HĐQT-NQ	08/05/2024	Thông qua việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024	100
5	05/2024/TGG/HĐQT-NQ	15/05/2024	Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng của bà Nguyễn Thị Trúc Linh và bổ nhiệm quyền Kế toán trưởng đối với bà Trần Thị Thanh Loan	100
6	06/2024/TGG/HĐQT-NQ	23/05/2024	Thông qua việc chuyển đổi khoản cho vay đối với Công ty con thành vốn điều lệ và tăng vốn điều lệ Công ty con là CTCP HB Pharma	100
7	07/2024/TGG/HĐQT-NQ	03/06/2024	Thông qua việc thoái vốn tại các Công ty con: Công ty TNHH MTV thu mua phụ phẩm PBP, Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global, CTCP Golden Paddy	100
8	08/2024/TGG/HĐQT-NQ	07/06/2024	Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức và dự thảo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024	100
9	10/2024TGG/HĐQT-NQ	17/07/2024	Thông qua việc thoái một phần vốn tại Công ty con là CTCP HB Pharma để trở thành Công ty liên kết	100
10	11/2024TGG/HĐQT-NQ	16/08/2024	Thông qua việc chấp thuận giao dịch và thông qua dự thảo Hợp đồng giao dịch mua cổ phần CTCP Xây dựng và Tư vấn đầu tư từ Người nội bộ là ông Nguyễn Kiên Giang	75
11	12/2024/TGG/HĐQT-NQ	21/08/2024	Thông qua hạn mức tín dụng năm 2024 của Công ty con là Công ty TNHH Angimex Furious	100
12	13/2024/TGG/HĐQT-NQ	27/09/2024	Thông qua việc sửa đổi một số nội dung Nghị quyết 10/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 17/07/2024	100
13	14/2024/TGG/HĐQT-NQ	06/11/2024	Thông qua việc chấm dứt hoạt động các chi nhánh trực thuộc Công ty	100

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
14	16/2024/TGG/HĐQT-NQ	06/11/2024	Thông qua việc chấp thuận giao dịch và thông qua dự thảo Hợp đồng giao dịch mua cổ phần CTCP Xây dựng và Tư vấn đầu tư từ Người nội bộ là ông Nguyễn Kiên Giang	75
15	17/2024/TGG/HĐQT-NQ	06/11/2024	Thông qua việc cho Công ty liên kết là CTCP Xây dựng và Tư vấn đầu tư vay vốn	100
16	18/2024/TGG/HĐQT-NQ	17/12/2024	Thông qua việc lựa chọn đơn vị soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024	100



Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng Cổ phần sở hữu (CP)		Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
			Cá nhân	Đại diện		
1	Ông Đỗ Mạnh Hùng	Trưởng BKS	1.315.000	0	4,82%	
2	Ông Nguyễn Kiên Giang	Thành viên BKS	0	0	0%	
3	Ông Cao Việt Bách	Thành viên BKS	71.000	0	0,26%	

Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

Ông Đỗ Mạnh Hùng - Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày sinh	29/03/1987
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kinh tế
Chức vụ tại các tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none"> Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Pomax; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hòa Bình Giám đốc Công ty TNHH MTV Thu mua phụ phẩm PBP Giám đốc Công ty TNHH Pomax Herbal
Quá trình công tác	
12/2020 - Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư
01/2022 - Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hòa Bình
01/2023 - Nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Pomax
27/03/2023 - Nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần The Golden Group
18/05/2023 - Nay	Giám đốc Công ty TNHH MTV Thu mua phụ phẩm PBP
18/05/2023 - Nay	Giám đốc Công ty TNHH Pomax Herbal

Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Kiên Giang - Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh	14/08/1979
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Tài chính Kế toán
Chức vụ tại các tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Pomax Thành viên HĐQT CTCP HB Pharma Thành viên HĐQT CTCP Quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC
Quá trình công tác	
2019 - Nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn xây dựng CIC
2020 - Nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Pomax
22/03/2023 - Nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần The Golden Group
31/05/2023 - Nay	Thành viên HĐQT CTCP HB Pharma
20/12/2023 - Nay	Thành viên HĐQT CTCP Quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC

Ông Cao Việt Bách - Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh	11/12/1983
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ xây dựng
Chức vụ tại các tổ chức khác	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư
Quá trình công tác	
2006 – 2011	Cán bộ kỹ thuật Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng
2011 – 2020	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Việt Pháp
2020 – Nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư
22/03/2023 - Nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần The Golden Group

Những thay đổi trong cơ cấu Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
-----	------------	---------	---------------	-----------------

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2024, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Công ty như sau:

- Ban Kiểm soát thực hiện hoạt động giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh cũng như sự tuân thủ của Công ty đối với các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động của Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty. Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ đúng chức năng, nhiệm vụ và phân cấp của Hội đồng quản trị, tích cực triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- Tham gia kiểm tra, đánh giá Báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con;
- Rà soát các giao dịch với các bên liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra các khuyến nghị về các giao dịch cần có sự phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;
- Theo dõi, đôn đốc và đánh giá việc thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thường niên và HĐQT thông qua;
- Theo dõi và đôn đốc đồng thời kiểm tra việc xử lý các kiến nghị của kiểm toán liên quan đến các ý kiến của kiểm toán trong Báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và đưa ra các ý kiến để các chủ trương, quyết định của Công ty khi được ban hành đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình hoạt động thực tế tại Công ty. Ban kiểm soát cũng có những phản trong quá trình chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành nhằm đảm bảo quá trình hoạt động theo đúng những định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đó.

Số lượng các cuộc họp Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Đỗ Mạnh Hùng	Trưởng Ban kiểm soát	02/02	100%
2	Ông Nguyễn Kiên Giang	Thành viên	02/02	100%
3	Ông Cao Việt Bách	Thành viên	02/02	100%

Nội dung và kết quả của các cuộc họp Ban Kiểm soát

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/2024/BKS-BBH	10/05/2024	Chuẩn bị báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
2	02/024/BKS-BBH	31/12/2024	Cho ý kiến về Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2023 và BCTC kiểm toán năm 2023



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập	Ghi chú
I. Hội đồng quản trị			
Ngô Quang Tuấn	Chủ tịch HĐQT	-	
Lý Thanh Nhã	TGD kiêm Thành viên HĐQT	197.496.399	
Võ Kim Nguyên	Phó TGD Thành viên HĐQT	735.485.337	
Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên độc lập HĐQT	-	
II. Ban kiểm soát			
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Trưởng BKS	-	
Ông Nguyễn Kiên Giang	Thành viên BKS	-	
Ông Cao Việt Bách	Thành viên BKS	-	

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)	





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Các bên liên quan	Mối quan hệ	NQ HĐQT/ ĐHĐCĐ	Tính chất giao dịch	Thời điểm giao dịch	Giá trị giao dịch
Công ty cổ phần HB Pharma	Công ty con (tại thời điểm giao dịch)	10/2023/TGG/HĐQT-NQ ngày 13/04/2023	Lãi vay từ ngày 01/11/2023 đến ngày 31/01/2024	30/01/2024	151.232.876 đồng
Công ty cổ phần HB Pharma	Công ty con (tại thời điểm giao dịch)	10/2023/TGG/HĐQT-NQ ngày 13/04/2023	Lãi vay từ ngày 01/02/2024 đến ngày 26/04/2024	26/04/2024	147.945.205 đồng
Công ty cổ phần quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Công ty con	11/2022/TGG/HĐQT-NQ ngày 28/03/2022	Trả gốc vay	03/04/2024	2.000.000.000 đồng
Công ty cổ phần quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Công ty con	11/2022/TGG/HĐQT-NQ ngày 28/03/2022	Trả gốc vay	26/06/2024	3.000.000.000 đồng
Công ty cổ phần quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Công ty con	11/2022/TGG/HĐQT-NQ ngày 28/03/2022	Lãi vay từ tháng 01/2024 đến tháng 06/2024	28/06/2024	309.354.310 đồng
Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	Công ty liên kết	32/2023/TGG/HĐQT-NQ ngày 13/11/2023	Lãi vay từ 15/11/2023 đến 31/01/2024	30/01/2024	10.257.354 đồng
Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	Công ty liên kết	32/2023/TGG/HĐQT-NQ ngày 13/11/2023	Lãi vay từ 01/02/2024 đến ngày 30/04/2024	26/04/2024	11.835.616 đồng
Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	Công ty liên kết		Chi phí thuê văn phòng 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/04/2024	11/06/2024	29.072.727 đồng

Các bên liên quan	Mối quan hệ	NQ HĐQT/ ĐHĐCĐ	Tính chất giao dịch	Thời điểm giao dịch	Giá trị giao dịch
Công ty TNHH Angimex Furious	Công ty con	34/2023/TGG/TGG.HĐQT-NQ ngày 18/12/2023	Công ty TNHH Angimex Furious hoàn tiền góp vốn theo NQ 26/NQ-HĐQT ngày 26/01/2024	30/01/2024	4.600.200.000 đồng
Công ty TNHH Angimex Furious	Công ty con	34/2023/TGG/TGG.HĐQT-NQ ngày 18/12/2023	Chi tiền góp vốn tại Công ty TNHH Angimex Furious theo NQ số 27/NQ-HĐTV ngày 01/02/2024	30/01/2024	4.600.200.000 đồng
Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	Công ty liên kết	32/2023/TGG/HĐQT-NQ ngày 13/11/2023	Thanh toán hợp đồng vay vốn số 03.2023.HDVV.TGG-CIC ngày 13/11/2023	05/11/2024	600.000.000 đồng
Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	Công ty liên kết	17/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 06/11/2024	Cho Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư vay vốn theo Hợp đồng số 611.2024.HDVV.TGG-CIC	06/11/2024	600.000.000 đồng
Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	Công ty liên kết	17/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 06/11/2024	Lãi vay từ ngày 01/05/2024 đến ngày 05/11/2024	01/05/2024	24.854.792 đồng
Nguyễn Kiên Giang	Thành viên Ban kiểm soát	11/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 16/08/2024	Mua cổ phần Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư theo HĐCN số 22/2024/HĐCN	23/08/2024	500.000.000 đồng
Nguyễn Kiên Giang	Thành viên Ban kiểm soát	16/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 06/11/2024	Mua cổ phần Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư theo HĐCN số 25/2024/HĐCN	07/11/2024	2.178.000.000 đồng
Công ty cổ phần HB Pharma	Công ty con (tại thời điểm giao dịch)	06/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 01/07/2024	Chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp	01/07/2024	5.000.000.000 đồng



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	NQ HĐQT/ĐHĐCĐ	Tính chất giao dịch	Thời điểm giao dịch	Giá trị giao dịch
Công ty cổ phần HB Pharma	Công ty con (tại thời điểm giao dịch)	10/2023/TGG/HĐQT-NQ ngày 13/04/2023	Lãi vay từ ngày 01/05/2024 đến ngày 30/06/2024	23/07/2024	100.273.972 đồng
Công ty cổ phần quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Công ty con	11/2022/TGG/HĐQT-NQ ngày 28/03/2022	Lãi vay từ tháng 07/2024 đến tháng 11/2024	30/11/2024	111.437.628 đồng

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với NNB	Tên Công ty con, Công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Tính chất giao dịch	Thời điểm giao dịch	Giá trị giao dịch
Công ty cổ phần Pomax	Công ty có liên quan của ông Ngô Quang Tuấn – CT HĐQT, Ông Lý Thanh Nhã – TGD, Ông Đỗ Mạnh Hùng – Trưởng BKS, Ông Nguyễn Kiên Giang – TV BKS	Công ty cổ phần HB Pharma	Mua bán các loại dược phẩm thành phẩm với số lượng và giá cả theo thống nhất của 2 bên được thể hiện cụ thể qua từng đơn đặt hàng.	01/04/2024 - 29/11/2024	53.971.193.158 đồng
Công ty cổ phần Pomax	Công ty có liên quan của ông Ngô Quang Tuấn – CT HĐQT, Ông Lý Thanh Nhã – TGD, Ông Đỗ Mạnh Hùng – Trưởng BKS, Ông Nguyễn Kiên Giang – TV BKS	Công ty cổ phần HB Pharma	Bán các loại dược phẩm thành phẩm với số lượng và giá cả theo thống nhất của 2 bên được thể hiện cụ thể qua từng đơn đặt hàng.	05/09/2024	4.762.954.770 đồng
Công ty cổ phần Hòa Bình	Công ty có liên quan của ông Ngô Quang Tuấn – CT HĐQT, Ông Lý Thanh Nhã – TGD, Ông Đỗ Mạnh Hùng – Trưởng BKS,	Công ty cổ phần HB Pharma	Mua các loại thành phẩm với số lượng và giá cả theo thống nhất của 2 bên được thể hiện cụ thể qua từng đơn đặt hàng	29/06/2024 - 12/12/2024	48.942.000 đồng
Công ty cổ phần BV Pharma	Công ty có liên quan của ông Ngô Quang Tuấn – CT HĐQT, Ông Nguyễn Quốc Dũng – TV độc lập HĐQT	Công ty cổ phần HB Pharma	Mua các loại dược phẩm thành phẩm với số lượng và giá cả theo thống nhất của 2 bên được thể hiện cụ thể qua từng đơn đặt hàng	19/07/2024 - 06/08/2024	1.779.813.782 đồng

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty Cổ phần The Golden Group luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để đáp ứng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động. Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được ban hành, điều chỉnh theo quy định pháp luật hiện hành và tiệm cận với các thông lệ tốt về quản trị. Đồng thời, Công ty duy trì và đảm bảo thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

A stylized number '6' composed of a blue wireframe grid, positioned at the top left of the page.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH(*)

(HỢP NHẤT)

- ❖ Ý kiến kiểm toán
- ❖ Báo cáo tài chính

(*)Thời điểm lập Báo cáo thường niên Công ty chưa hoàn thành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024. Sau khi hoàn tất Báo cáo Tài chính kiểm toán 2024, Công ty sẽ tiến hành công bố thông tin thay đổi nội dung này trong Báo cáo thường niên 2024.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT *ay*


Lý Thanh Nhã



CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

-  Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
-  (028) 7777 9999
-  info@thegoldengroup.vn
-  <https://thegoldengroup.vn/>


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024


Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31-12-2024	01-01-2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		143.970.224.919	167.894.094.495
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.3	6.421.646.938	8.632.081.655
Tiền	111		4.221.646.938	8.632.081.655
Các khoản tương đương tiền	112		2.200.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.249.622.443	16.471.066.642
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		17.249.622.443	16.471.066.642
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.404.640.077	30.209.812.482
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.5	25.537.377.971	54.280.492.252
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.6	10.144.436.489	10.611.582.510
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		665.000.000	3.155.000.000
Các khoản phải thu khác	136	V.7	46.595.166.270	77.322.290.250
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(51.537.340.653)	(115.159.552.530)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	82.354.224.218	103.988.163.656
Hàng tồn kho	141		83.076.034.030	141.868.202.952
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(721.809.812)	(37.880.039.296)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.540.091.243	8.592.970.060
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	809.123.005	1.200.756.537
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14	2.789.413.637	4.450.668.042
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	2.941.554.601	2.941.545.481
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		156.540.998.252	252.720.719.146
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.264.090.892	1.331.363.624
Phải thu dài hạn khác	216		1.264.090.892	7.931.363.624
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	(6.600.000.000)
II. Tài sản cố định	220		95.498.846.533	157.008.485.202
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	30.290.903.237	30.332.874.390
- Nguyên giá	222		44.671.991.674	36.973.500.617
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.381.088.437)	(6.640.626.227)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		4.650.237.597	6.717.009.873
- Nguyên giá	225		10.333.861.356	10.333.861.356
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.683.623.759)	(3.616.851.483)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	60.557.705.699	119.958.600.939
- Nguyên giá	228		61.052.843.193	121.497.833.193
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(495.137.494)	(1.539.232.254)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	-	30.000.000.000
- Nguyên giá	231		-	30.000.000.000
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	356.400.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	356.400.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.4	28.637.269.175	28.941.889.671
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		28.637.269.175	25.767.790.957
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.795.414.653	9.795.414.653
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(9.795.414.653)	(6.621.315.939)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		31.140.791.652	35.082.580.649
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12b	11.651.262.782	12.093.229.037
Lợi thế thương mại	269		19.489.528.870	22.989.351.612
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		300.511.223.171	420.614.813.641

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31-12-2024	01-01-2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		119.406.793.119	262.336.795.137
I. Nợ ngắn hạn	310		101.612.682.945	243.614.228.635
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	5.259.299.671	84.412.866.068
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		193.117.705	16.481.237.129
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	92.833.630	255.370.440
Phải trả người lao động	314		1.328.112.511	1.688.351.083
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		488.695.890	4.104.638.994
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		531.146.016	767.210.916
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	3.366.396.133	7.423.171.513
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	89.022.034.661	127.150.335.764
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.331.046.728	1.331.046.728
II. Nợ dài hạn	330		17.794.110.174	18.722.566.502
Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	276.900.000	3.245.800.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	1.749.999.850	3.149.999.890
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		15.767.210.324	12.326.766.612
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		181.104.430.052	158.278.018.504
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	181.104.430.052	158.278.018.504
Vốn góp của chủ sở hữu	411		272.999.900.000	272.999.900.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.889.093.455	2.889.093.455
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(174.604.722.763)	(160.988.101.567)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(160.988.101.567)	(145.295.693.296)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(13.616.621.196)	(15.692.408.271)
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		79.820.159.360	43.377.126.616
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		300.511.223.171	420.614.813.641


Trần Thị Thanh Loan
Người lập


Trần Thị Thanh Loan
Quyền Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP
THE GOLDEN GROUP
M.S.D.N: 0101235
Lý Thành Nhà
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01		75.420.043.540	4.257.732.331	484.211.020.868	6.997.084.461
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		254.155.043	-	266.062.209	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.18	75.165.888.497	4.257.732.331	483.944.958.659	6.997.084.461
Giá vốn hàng bán	11	V.19	65.113.213.860	5.094.923.253	437.627.283.384	8.324.820.303
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.052.674.637	(837.190.922)	46.317.675.275	(1.327.735.842)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.20	790.067.360	31.750.581	1.127.957.213	82.749.209
Chi phí tài chính	22	V.21	(992.245.441)	42.909.673	6.306.067.898	638.546.493
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.503.373.390	42.909.673	8.801.686.729	638.546.493
Lợi nhuận trong các cty liên kết	24		36.198.969	4.329.668.008	191.478.218	267.324.947
Chi phí bán hàng	25	V.22	8.797.144.214	113.045.448	30.373.783.903	676.134.561
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.23	5.721.612.713	3.584.617.885	26.252.918.640	18.138.719.163
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.647.570.520)	(216.345.339)	(15.295.659.735)	(20.431.061.903)
Thu nhập khác	31		402.339.245	10.152.304	1.402.264.543	14.447.661
Chi phí khác	32		80.946.004	361.572	854.759.577	5.485.565
Lợi nhuận khác	40		321.393.241	9.790.732	547.504.966	8.962.096
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.326.177.279)	(206.554.607)	(14.748.154.769)	(20.422.099.807)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		486.663.998	803.802.326	2.119.352.866	1.726.047.222
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(2.812.841.277)	(1.010.356.933)	(16.867.507.635)	(22.148.147.029)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(1.270.352.585)	(145.842.678)	(13.616.621.196)	(15.692.408.271)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.542.488.692)	(864.514.255)	(3.250.886.439)	(6.455.738.758)


 Trần Thị Thanh Loan
 Người lập


 Trần Thị Thanh Loan
 Quyền Kế toán trưởng


 Ông Trần Thanh Nhã
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Theo phương pháp gián tiếp
 Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Ghi chú	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20	(18.550.753.895)	(36.094.801.171)
1. Lợi nhuận trước thuế	1	(14.748.154.769)	(20.422.099.807)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	11.771.866.156	5.920.189.515
Các khoản dự phòng	3	(104.206.342.647)	9.627.328.984
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	4	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(1.127.957.213)	(82.749.209)
Chi phí lãi vay	6	5.627.588.015	638.546.493
Các khoản điều chỉnh khác	7	-	-
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	8	(102.683.000.458)	(4.318.784.024)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	172.422.734.314	22.311.795.060
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	58.792.168.922	(83.727.388.029)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(142.253.738.760)	31.064.062.497
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		-	-
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	833.599.787	(828.170.045)
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.662.517.700)	(596.316.630)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	19.127.483.835	(44.591.979.141)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tsản dài hạn khác	21	(1.492.473.378)	(23.420.728.350)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tsản dài hạn kh	22	22.170.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(600.000.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.678.000.000)	(20.654.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.127.957.213	82.749.209
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40	(2.787.164.657)	48.122.241.360
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	165.000.000	49.172.241.390
Tiền thu từ đi vay	33	417.921.052.523	350.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(419.473.217.180)	(1.400.000.030)
Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(1.400.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.210.434.717)	(32.564.538.952)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.632.081.655	41.196.620.607
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.421.646.938	8.632.081.655


 Trần Thị Thanh Loan
 Người lập


 Trần Thị Thanh Loan
 Quyền Kế toán trưởng


 Ông Trần Thanh Nhã
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 01 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV.2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần The Golden Group được đổi tên từ Công ty cổ phần Louis Capital (tiền thân là Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835, đăng ký lần đầu ngày 10/02/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 12/09/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 272.999.900.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2024 là 272.999.900.000 đồng; tương đương 27.299.900 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Tư vấn quản lý
- Kinh doanh chứng khoán
- Sáp nhập và mua bán doanh nghiệp

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm

2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm; công cụ dụng cụ;...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng (trừ chi phí thuê mặt bằng).

2.9 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác. BCC quy định hình thức hoạt động do một bên kiểm soát và có phương án chia lợi nhuận căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của dự án.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả người lao động, phải trả khác,... tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

2.12 . Vay

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ báo cáo trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ báo cáo.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng,

2.17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	493.423.725	4.842.826.357
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.728.223.213	3.779.255.298
Tiền đang chuyển	-	10.000.000
Các khoản tương đương tiền	2.200.000.000	-
	6.421.646.938	8.632.081.655

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư Vấn Đầu tư	TPHCM	35,35%	35,35%	Xây dựng, lắp đặt và tư vấn liên quan đến công trình xây dựng tư vấn đầu tư

b) Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần XNK Louis Rice	TPHCM	10,00%	10,00%	Xuất khẩu gạo

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Ferino	-	-	1.800.000.000	(1.800.000.000)
Công ty TNHH TM DV XNK Gia Thành	-	-	11.272.000.000	(11.272.000.000)
Công ty TNHH TM Trọng Thị	-	-	5.448.010.000	(5.448.010.000)
Nguyễn Xuân Hòa	8.301.808.219	-	-	-
CÔNG TY TNHH MTV XE MÁY THANH VẤN	3.069.199.996	-	-	-
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	-	-	18.022.920.000	(5.406.876.000)
Công ty CP XNK LOUIS RICE	296.315.467	(296.315.467)	3.351.594.049	(3.351.594.049)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ AKISEI	32.400.000	(32.400.000)	5.033.850.000	(5.033.850.000)
Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang	871.832.257	(871.832.257)	871.832.257	(261.549.677)
Ngô Thị Như Phương	408.000.000	(408.000.000)	408.000.000	(408.000.000)
Bùi Ngọc Mỹ	7.550.000.000	-	-	-
Các khách hàng khác	5.007.822.032	(3.130.265.145)	8.072.285.946	(5.867.772.146)
	25.537.377.971	(4.738.812.869)	54.280.492.252	(38.849.651.872)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
CN công ty ACC Xi nghiệp tư vấn thiết kế và xây dựng ACC	430.000.000	(430.000.000)	430.000.000	(430.000.000)
Công ty TNHH kiến trúc và chuyển giao công nghệ Hà Nội	550.000.001	(550.000.001)	550.000.001	(550.000.001)
CÔNG TY TNHH MTV FLASH SOLUTION	-	-	168.000.000	-
CÔNG TY HONDA VIỆT NAM	8.329.520.486	-	7.654.150.095	-
Công ty TNHH Xây dựng Nguyễn Thiên Lộc	-	-	1.260.677.600	-
Trả trước cho người bán khác	834.916.002	(274.653.000)	548.754.814	(159.489.150)
	10.144.436.489	(1.254.653.001)	10.611.582.510	(1.139.489.151)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	549.296.205	(540.000.000)	1.048.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	-	-	675.000.000	-
Bà Từ Thị Hồng Thanh	45.000.000.000	(45.000.000.000)	75.045.000.000	(75.045.000.000)
Phải thu khác	1.045.870.065	(3.874.783)	554.290.250	(125.411.507)
	46.595.166.270	(45.543.874.783)	77.322.290.250	(75.170.411.507)
b) Dài hạn				
Phải thu khác	1.264.090.892	-	-	-
	1.264.090.892	-	-	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hoá	82.916.956.315	(721.809.812)	138.978.439.758	(37.880.039.296)
Hàng gửi đi bán	159.077.715	-	2.889.763.194	-
	83.076.034.030	(721.809.812)	141.868.202.952	(37.880.039.296)

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	30.329.626.794	3.040.467.273	850.023.115	2.753.383.435	36.973.500.617
- Tăng do mua mới	-	111.450.000	-	36.970.000	148.420.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	1.344.053.378	-	-	-	1.344.053.378
- Tăng khác	10.733.722.298	12.835.607.920	-	-	23.569.330.218
- Giảm khác	(15.421.736.307)	(1.806.467.273)	-	(135.108.959)	(17.363.312.539)
Số dư cuối kỳ	26.985.666.163	14.181.057.920	850.023.115	2.655.244.476	44.671.991.674
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.425.720.060	560.307.856	497.148.267	1.157.450.044	6.640.626.227
- Khấu hao trong kỳ	2.232.827.603	2.058.075.668	86.016.321	564.209.360	4.941.128.952
- Tăng khác	178.895.372	3.830.785.437	-	-	4.009.680.809
- Giảm khác	(757.516.087)	(346.407.813)	-	(106.423.651)	(1.210.347.551)
Số dư cuối kỳ	6.079.926.948	6.102.761.148	583.164.588	1.615.235.753	14.381.088.437
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	25.903.906.734	2.480.159.417	352.874.848	1.595.933.391	30.332.874.390
Tại ngày cuối kỳ	20.905.739.215	8.078.296.772	266.858.527	1.040.008.723	30.290.903.237

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	120.382.713.193	-	1.115.120.000	121.497.833.193
- Tăng do mua	-	-	168.000.000	168.000.000
- Giảm do thanh lý công ty	(60.000.000.000)	-	(612.990.000)	(60.612.990.000)
Số dư cuối kỳ	60.382.713.193	-	670.130.000	61.052.843.193
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.125.931.088	-	413.301.166	1.539.232.254
- Khấu hao trong kỳ	947.368.416	-	255.161.496	1.202.529.912
- Tăng khác	-	-	3.619.448	3.619.448
- Giảm khác	(2.073.299.504)	-	(176.944.616)	(2.250.244.120)
Số dư cuối kỳ	-	-	495.137.494	495.137.494
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	119.256.782.105	-	701.818.834	119.958.600.939
Tại ngày cuối kỳ	60.382.713.193	-	174.992.506	60.557.705.699

11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà và quyền sử dụng đất		Cộng
	VND	VND	
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	30.000.000.000		30.000.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	(30.000.000.000)		(30.000.000.000)
Số dư cuối kỳ	-		-
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	30.000.000.000		30.000.000.000
Tại ngày cuối kỳ	-		-

Trong đó:

- Nhà và quyền sử dụng đất là giá trị nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 678 Kinh Dương Vương, Khu phố 1, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, có thời hạn sử dụng đất lâu dài. Công ty nhận chuyển nhượng từ Ông Lê Quang Nhuận. Trong năm 2024, công ty đã thanh lý bất động sản đầu tư này.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	809.123.005		1.200.756.537	
	809.123.005		1.200.756.537	
b) Dài hạn				
Phân bổ công cụ dụng cụ	49.531.193		145.177.100	
Chi phí thuê điện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia	11.601.731.589		11.948.051.937	
	11.651.262.782		12.093.229.037	

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Golden Paddy SG	-	-	46.439.759.105	46.439.759.105
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	-	-	18.022.920.000	18.022.920.000
CÔNG TY CỔ PHẦN POMAX	-	-	8.931.160.078	8.931.160.078
Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại TPHCM	4.350.071.739	4.350.071.739	2.761.155.443	2.761.155.443
Công ty cổ phần XNK An Giang	851.763.953	851.763.953	-	-
Các nhà Cung Cấp khác	57.463.979	57.463.979	8.257.871.442	8.257.871.442
	5.259.299.671	5.259.299.671	84.412.866.068	84.412.866.068

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp/(phải thu) trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	4.450.668.042	-	-	3.683.223.017	2.457.688.763	2.789.413.637	60.342.903			
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.931.520.483	215.073.204	215.073.204	(215.073.204)	-	2.931.520.483	-			
Thuế Thu nhập cá nhân	10.024.998	40.297.236	40.297.236	133.087.599	140.903.228	10.034.118	32.490.727			
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	15.000.000	15.000.000	-	-			
	7.392.213.523	255.370.440	255.370.440	3.616.237.412	2.613.591.991	5.730.968.238	92.833.630			

15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	614.723.166		398.880.838	
- UBND Tỉnh Hòa Bình	2.100.000.000		2.100.000.000	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	651.672.967		4.924.290.675	
	3.366.396.133		7.423.171.513	
b) Dài hạn				
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	276.900.000		139.800.000	
- Phải trả khác	-		26.000.000	
- Hợp tác đầu tư Dự án Ao Giời Suối Tiên	-		3.080.000.000	
	276.900.000		3.245.800.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

16 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		31/12/2024					
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Trong năm		Giá trị		Số có khả năng trả nợ	
			VND	VND	Tăng	Giảm	VND	VND
a) Vay ngắn hạn								
Vay ngắn hạn	125.750.335.724	125.750.335.724	418.921.052.523	457.049.353.626	87.622.034.621		87.622.034.621	
- Vay ngân hàng	36.576.136.486	36.576.136.486	1.000.000.000	37.576.136.486	-		-	
- Vay tiền đầu tư	-	-	-	-	-		-	
- Tăng từ mua công ty con	89.174.199.238	89.174.199.238	417.921.052.523	419.473.217.140	87.622.034.621		87.622.034.621	
- Nợ dài hạn đến hạn trả	1.400.000.040	1.400.000.040	1.400.000.040	1.400.000.040	1.400.000.040		1.400.000.040	
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-		-	
- Vay dài hạn đến hạn trả	1.400.000.040	1.400.000.040	1.400.000.040	1.400.000.040	1.400.000.040		1.400.000.040	
	127.150.335.764	127.150.335.764	420.321.052.563	458.449.353.666	89.022.034.661		89.022.034.661	
b) Vay dài hạn								
- Nợ thuế tài chính dài hạn	3.149.999.890	3.149.999.890	-	1.400.000.040	1.749.999.850		1.749.999.850	
	3.149.999.890	3.149.999.890	-	1.400.000.040	1.749.999.850		1.749.999.850	

17



CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	31/12/2024		01/01/2024		Tổng Cộng
	VND	VND	VND	VND	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu					
Số dư đầu năm trước	272.999.900.000	-	272.999.900.000	-	272.999.900.000
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	272.999.900.000	-	272.999.900.000	-	272.999.900.000
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	272.999.900.000	-	272.999.900.000	-	272.999.900.000
Vợ nợ					
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	-	-	-	-	-
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	272.999.900.000	-	272.999.900.000	-	272.999.900.000
Số dư đầu năm trước	272.999.900.000	-	272.999.900.000	-	272.999.900.000
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	272.999.900.000	-	272.999.900.000	-	272.999.900.000
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	272.999.900.000	-	272.999.900.000	-	272.999.900.000
Vợ nợ					
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	-	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	272.999.900.000	-	272.999.900.000	-	272.999.900.000
Số dư đầu năm trước	272.999.900.000	-	272.999.900.000	-	272.999.900.000
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	272.999.900.000	-	272.999.900.000	-	272.999.900.000
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	272.999.900.000	-	272.999.900.000	-	272.999.900.000
Vợ nợ					
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	-	-	-	-	-
Vợ nợ	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	-	-	-	-	-
Vợ nợ	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	-	-	-	-	-
Vợ nợ	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	-	-	-	-	-
Vợ nợ	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	-	-	-	-	-
Vợ nợ	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	-	-	-	-	-
Vợ nợ	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	-	-	-	-	-
Vợ nợ	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	-	-	-	-	-
Vợ nợ	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	-	-	-	-	-
Vợ nợ	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	-	-	-	-	-
Vợ nợ	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	-	-	-	-	-
Vợ nợ	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	-	-	-	-	-
Vợ nợ	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	-	-	-	-	-
Vợ nợ	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	-	-	-	-	-
Vợ nợ	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	-	-	-	-	-
Vợ nợ	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-		

18 . TỔNG DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	460.328.706.910	4.497.332.228
Doanh thu dịch vụ	23.882.313.958	2.499.752.233
	484.211.020.868	6.997.084.461

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa	437.887.159.312	4.201.650.569
Giá vốn bán thành phẩm	-	-
Giá vốn dịch vụ	3.921.290.672	2.032.586.432
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.181.166.600)	2.090.583.302
	437.627.283.384	8.324.820.303

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.127.957.213	82.749.209
	1.127.957.213	82.749.209

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	5.627.588.015	638.546.493
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	678.479.883	-
	6.306.067.898	638.546.493


22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.760.074.394	35.503.767
Chi phí nhân viên	18.602.151.925	512.226.569
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.632.663.264	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.576.812.170	86.970.373
Chi phí khác bằng tiền	1.802.082.150	41.433.852
	30.373.783.903	676.134.561

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	545.215.848	360.738.412
Chi phí nhân viên	4.122.627.713	5.779.520.899
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.518.485.964	1.241.775.914
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	234.347.068	5.406.780.986
Thuế, phí, và lệ phí	196.955.967	12.574.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.534.533.998	2.527.896.312
Phân bổ lợi thế thương mại	3.561.435.016	2.616.457.992
Chi phí khác bằng tiền	539.317.066	192.973.948
	26.252.918.640	18.138.719.163


Trần Thị Thanh Loan
Người lập


Trần Thị Thanh Loan
Quyền Kế toán trưởng


Lý Thanh Nhã
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 01 năm 2025